

TT	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Đối tượng xét tuyển	Nguyên tắc xét tuyển
1	Tất cả các ngành (Trừ ngành Giáo dục thể chất)		Không quá 20% chỉ tiêu chung của từng ngành	(1) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, đội tuyển quốc gia dự cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc tế, đã tốt nghiệp THPT	Xét tuyển cho thí sinh đã tốt nghiệp THPT vào ngành đúng, ngành phù hợp trước, sau đó xét tuyển vào ngành gần. Thí sinh có thể đăng ký tuyển thẳng hoặc ưu tiên xét tuyển vào nhiều ngành khác nhau của cùng trường. Khi đăng ký xét tuyển vào Trường, thí sinh được đăng ký nhiều ngành khác nhau và vào theo thứ tự ưu tiên, mỗi thí sinh trúng tuyển một nguyện vọng sẽ không được xét tuyển các nguyện vọng tiếp theo. Xét theo thứ tự giải (hoặc điểm trung bình 3 năm học trung học phổ thông (THPT),
2	Giáo dục thể chất	7140206		(2) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức	
3	Sư phạm Toán học	7140209		(3.1) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia môn Toán học	
4	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247		(3.2) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia môn Vật lý	
5	Sư phạm Vật lý	7140211		(3.3) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia môn Hóa học	
6	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247		(3.4) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia môn Sinh học	
7	Sư phạm Công nghệ	7140246			
8	Sư phạm Hóa học	7140212			
9	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247			
10	Hóa học	7440112			
11	Sư phạm Công nghệ	7140246			
12	Sư phạm Sinh học	7140213			
13	Công nghệ sinh học	7420201			
14	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247			
15	Sư phạm Công nghệ	7140246			
16	Sư phạm Ngữ văn	7140217			

17	Việt Nam học	7310630
18	Văn học	7229030
19	Giáo dục Chính trị	7140205
20	Giáo dục Công dân	7140204
21	Văn hóa học	7229040
22	Báo chí	7320101
23	Sư phạm Lịch sử	7140218
24	Giáo dục Chính trị	7140205
25	Giáo dục Công dân	7140204
26	Lịch sử	7229010
27	Sư phạm Địa lí	7140219
28	Giáo dục Chính trị	7140205
29	Giáo dục Công dân	7140204
30	Địa lí học	7310501
31	Sư phạm Tin học	7140210
32	Công nghệ thông tin	7480201
33	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250
34	Tâm lý học	7310401
35	Công tác xã hội	7760101
36	Công nghệ sinh học	7420201

(3.5) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia môn Ngữ văn

(3.6) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia môn Lịch sử

(3.7) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia môn Địa lý

(3.8) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia môn Tin học

(3.9) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải KHKT cấp quốc gia lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi

(3.10) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải KHKT cấp quốc gia lĩnh vực Vi sinh;  
Sinh học trên máy tính và Sinh – Tin và Sinh học tế bào và phân tử

hoặc tương đương) từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu và ưu tiên từ nguyện vọng 1 cho đến hết. Trường hợp có nhiều thí sinh đồng hạng vượt quá chỉ tiêu tuyển thẳng sẽ xét đến tiêu chí phụ là điểm trung bình năm học lớp 12. Xét các giải Nhất, Nhì, Ba các năm 2020,2021,2022. Tổng chỉ tiêu xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển nằm trong chỉ tiêu được công bố trong Đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Sư phạm.

37	Hóa học	7440112
38	Công nghệ thông tin	7480201
39	Sư phạm Toán học	7140209
40	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247
41	Sư phạm Vật lý	7140211
42	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247
43	Sư phạm Công nghệ	7140246
44	Sư phạm Hóa học	7140212
45	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247
46	Sư phạm Công nghệ	7140246
47	Sư phạm Sinh học	7140213
48	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247
49	Sư phạm Công nghệ	7140246

(3.11) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải KHKT cấp quốc gia lĩnh vực Hóa sinh; Hóa học

(3.12) Xét tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải KHKT cấp quốc gia lĩnh vực Phần mềm hệ thống

(4.1) Xét tuyển thẳng vào một số ngành của các trường đào tạo sư phạm đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT chuyên cấp tỉnh/ thành phố môn Toán học

(4.2) Xét tuyển thẳng vào một số ngành của các trường đào tạo sư phạm đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT chuyên cấp tỉnh/ thành phố môn Vật lý

(4.3) Xét tuyển thẳng vào một số ngành của các trường đào tạo sư phạm đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT chuyên cấp tỉnh/ thành phố môn Hóa học

(4.4) Xét tuyển thẳng vào một số ngành của các trường đào tạo sư phạm đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT chuyên cấp tỉnh/ thành phố môn Sinh học

50	Sư phạm Ngữ văn	7140217	(4.5) Xét tuyển thẳng vào một số ngành của các trường đào tạo sư phạm đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT chuyên cấp tỉnh/ thành phố môn Ngữ văn
51	Giáo dục Công dân	7140204	(4.6) Xét tuyển thẳng vào một số ngành của các trường đào tạo sư phạm đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT chuyên cấp tỉnh/ thành phố môn Giáo dục công dân
52	Sư phạm Lịch sử	7140218	(4.7) Xét tuyển thẳng vào một số ngành của các trường đào tạo sư phạm đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT chuyên cấp tỉnh/ thành phố môn Lịch sử
53	Sư phạm Địa lý	7140219	(4.8) Xét tuyển thẳng vào một số ngành của các trường đào tạo sư phạm đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT chuyên cấp tỉnh/ thành phố môn Địa lý
54	Sư phạm Tin học	7140210	(4.9) Xét tuyển thẳng vào một số ngành của các trường đào tạo sư phạm đối với các học sinh tốt nghiệp các trường THPT chuyên cấp tỉnh/ thành phố môn Tin học
55	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	7140250	